

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tháng 10 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

MẪU SỐ B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150+190)	100		4,951,360,719,926	4,840,900,856,509
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	715,518,466,874	258,225,643,573
1. Tiền	111		715,518,466,874	258,225,643,573
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2,222,000,000,000	2,544,408,470,667
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2,222,000,000,000	2,545,402,807,169
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(994,336,502)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		640,871,710,800	630,767,817,796
1. Phải thu khách hàng	131		433,247,446,312	539,679,699,361
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	7	394,844,863,290	499,080,866,740
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	8	38,402,583,022	40,598,832,621
2. Trả trước cho người bán	132		66,315,068,444	51,066,086,045
3. Các khoản phải thu khác	135	9	184,581,677,191	81,676,946,161
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(43,272,481,147)	(41,654,913,771)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		147,359,315,710	116,992,327,855
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	133,714,127,801	104,099,649,464
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		113,189,632,465	87,328,824,876
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		20,524,495,336	16,770,824,588
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13,640,126,553	12,892,678,391
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		5,061,356	-
V. Tài sản tái bảo hiểm	190	12	1,225,611,226,542	1,290,506,596,618
1. Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	191		646,394,841,551	511,193,292,062
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		579,216,384,991	779,313,304,556
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		195,264,859,673	273,970,939,894
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22,293,130,691	15,591,266,363
1. Phải thu dài hạn khác	218	9	22,293,130,691	15,591,266,363
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		7,000,000,000	7,000,000,000
1.2. Ký quỹ, ký cược khác	218.2		15,293,130,691	8,591,266,363
II. Tài sản cố định	220		5,828,582,971	4,610,507,686
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	4,421,368,290	2,268,509,978
Nguyên giá	222		14,398,270,057	13,094,832,875
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9,976,901,767)	(10,826,322,897)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	1,407,214,681	2,341,997,708
Nguyên giá	228		7,171,964,959	7,171,964,959
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5,764,750,278)	(4,829,967,251)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	91,990,000,000	171,990,000,000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		91,990,000,000	171,990,000,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		75,153,146,011	81,779,165,845
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	75,153,146,011	81,779,165,845
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		5,146,625,579,599	5,114,871,796,403

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 3**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

MẪU SỐ B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		4,025,818,333,853	4,006,799,207,420
I. Nợ ngắn hạn	310		4,002,099,300,633	3,976,698,295,868
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	15	150,000,000,000	200,000,000,000
2. Phải trả cho người bán	312		661,718,418,034	687,688,111,945
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	16	650,449,060,066	646,661,465,894
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		11,269,357,968	41,026,646,051
3. Người mua trả tiền trước	313		83,785,381,553	114,315,710,008
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	34,999,927,821	21,170,310,060
5. Phải trả người lao động	315		90,974,624,428	95,321,679,799
6. Chi phí phải trả	316		1,216,670,388	1,335,890,110
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	38,728,218,431	20,422,596,108
8. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	18	110,534,522,995	92,703,862,451
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		625,112,158	1,077,112,158
10. Dự phòng nghiệp vụ	329	19	2,829,516,424,825	2,742,663,023,229
10.1. Dự phòng phí, dự phòng toán học bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		1,794,057,353,988	1,507,239,388,714
10.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		904,691,075,050	1,121,291,354,972
10.3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối	329.3		130,767,995,787	114,132,279,543
II. Nợ dài hạn	330		23,719,033,220	30,100,911,552
1. Phải trả dài hạn khác	333		101,000,000	1,000,000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		23,618,033,220	30,099,911,552
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1,120,807,245,746	1,108,072,588,983
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	1,120,807,245,746	1,108,072,588,983
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		16,553,330,879	15,916,598,041
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		104,253,914,867	92,155,990,942
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		5,146,625,579,599	5,114,871,796,403


 Trần Phương Anh
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Thu Hương
 Phó Giám đốc Ban tài chính kế toán


 Đoàn Kiên
 Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 3 năm 2025	Quý 3 năm 2024	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 3/2025	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 3/2024
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	664,937,808,712	497,389,382,695	1,905,816,305,002	1,556,317,944,150
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	43,051,707,382	38,284,995,114	127,193,563,791	108,633,169,990
3. Thu nhập khác	13	124,387,277	136,003,161	790,073,734	600,002,085
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	583,558,525,227	493,490,068,249	1,693,704,224,318	1,471,582,179,879
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	2,340,895,491	1,528,816,977	20,150,773,374	1,166,085,588
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	140,911,686,404	84,148,930,234	306,315,823,610	212,316,550,864
7. Chi phí khác	24	855,929,449	798,004,640	1,586,921,865	1,092,708,771
8. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24)	50	(19,553,133,200)	(44,155,439,130)	12,042,199,360	(20,606,408,877)
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(3,947,095,149)	(5,027,657,756)	2,361,539,685	-
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-
9. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(15,606,038,051)	(39,127,781,374)	9,680,659,675	(20,606,408,877)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Quý 3 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B 02a-DNPNT
Đơn vị: VND

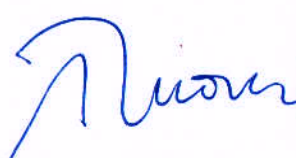
PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3 năm 2025	Quý 3 năm 2024	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 3/2025	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 3/2024
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)	01	21	810,140,356,071	631,325,613,130	2,310,927,466,504	1,910,223,261,496
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		929,131,998,423	654,523,025,094	2,547,069,086,840	2,038,255,576,483
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		15,676,290,507	16,548,401,202	50,676,344,938	40,056,140,094
- Tăng/(giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		134,667,932,859	39,745,813,166	286,817,965,274	168,088,455,081
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2)	02	22	296,162,394,246	313,325,142,388	798,964,606,085	778,715,360,499
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		297,648,644,320	296,628,836,061	934,166,155,574	687,638,593,341
- Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		1,486,250,074	(16,696,306,327)	135,201,349,489	(91,076,767,158)
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)	03		513,977,961,825	318,000,470,742	1,511,962,860,419	1,131,507,900,997
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		154,777,343,248	179,388,911,953	397,670,940,944	424,810,043,153
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		56,750,593,100	56,293,161,749	149,001,601,253	171,565,604,032
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		98,026,750,148	123,095,750,204	248,669,339,691	253,244,439,121
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		668,755,305,073	497,389,382,695	1,909,633,801,363	1,556,317,944,150
6. Chi bồi thường (11= 11.1 - 11.2)	11		345,910,920,264	227,746,870,775	986,230,499,693	718,972,052,415
- Tổng chi bồi thường	11.1		347,522,719,487	227,746,870,775	989,126,022,923	718,972,052,415
- Các khoản giảm trừ (Thu hồi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý 100%)	11.2		1,611,799,223	-	2,895,523,230	-
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		125,709,089,387	85,885,775,317	416,964,749,210	280,692,951,229
8. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		(46,825,195,898)	490,278,339,085	(216,600,279,922)	466,010,930,565
9. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(42,406,635,209)	421,267,408,745	(200,096,919,565)	384,996,685,739
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	23	215,783,270,188	210,872,025,798	552,762,390,126	519,293,346,012
11. Tăng dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	16		6,471,519,928	(20,255,541,476)	16,635,716,244	(10,093,268,768)
<i>Trong đó: Chi bồi thường từ quỹ dao động lớn</i>			-	24,000,000,000	-	24,000,000,000
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	24	361,303,735,111	302,873,583,927	1,124,306,117,948	962,382,102,635
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		49,550,897,331	33,432,127,768	138,333,110,234	96,541,055,267
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		311,752,837,780	269,441,456,159	985,973,007,714	865,841,047,368
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		583,558,525,227	493,490,068,249	1,693,704,224,318	1,471,582,179,879
14. LN (Lỗ) gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19		85,196,779,846	3,899,314,446	215,929,577,045	84,735,764,271

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3 năm 2025	Quý 3 năm 2024	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 3/2025	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 3/2024
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	25	43,051,707,382	38,284,995,114	127,193,563,791	108,633,169,990
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	26	2,340,895,491	1,528,816,977	20,150,773,374	1,166,085,588
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25-23-24)	25		40,710,811,891	36,756,178,137	107,042,790,417	107,467,084,402
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	140,911,686,404	84,148,930,234	306,315,823,610	212,316,550,864
19. LN (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)	30		(15,004,094,667)	(43,493,437,651)	16,656,543,852	(20,113,702,191)
20. Thu nhập khác	31		124,387,277	136,003,161	790,073,734	600,002,085
21. Chi phí khác	32		855,929,449	798,004,640	1,586,921,865	1,092,708,771
22. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(731,542,172)	(662,001,479)	(796,848,131)	(492,706,686)
23. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(15,735,636,839)	(44,155,439,130)	15,859,695,721	(20,606,408,877)
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(3,183,595,876)	(5,027,657,756)	3,125,038,958	-
25. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
24. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(12,552,040,963)	(39,127,781,374)	12,734,656,763	(20,606,408,877)


Trần Phương Anh
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Giám đốc Ban tài chính kế toán



Đoàn Kiến
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 3 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B 03a-DNPNT

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý 3		
		Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1	1,055,852,581,603	716,485,185,860	2,756,831,723,542	2,287,422,399,311
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	2	(777,704,630,341)	(594,703,845,778)	(2,213,996,791,592)	(1,869,430,638,163)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	3	(121,297,129,188)	(70,865,940,602)	(355,902,805,701)	(262,789,638,548)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	4	(2,135,164,385)	-	(6,740,309,107)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	5	-	(13,760,748)	(3,222,239,940)	(2,707,285,756)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6	33,556,925,247	20,069,165,307	59,669,917,049	47,682,304,730
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	7	(88,743,000,574)	(58,179,382,866)	(234,391,991,758)	(162,199,461,134)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	20	99,529,582,362	12,791,421,173	2,247,502,493	37,977,680,440
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	21	(516,240,000)	(37,181,817)	(2,855,208,700)	(75,181,181)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	22	-	-	282,235,051	600,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	23	(317,000,000,000)	(1,044,000,000,000)	(1,121,000,000,000)	(2,212,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	24	724,000,000,000	949,000,000,000	1,508,000,000,000	1,215,000,000,000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	26	-	-	-	801,770,047,960
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27	71,914,479,150	54,512,114,836	118,380,303,424	74,812,957,998
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	30	478,398,239,150	(40,525,066,981)	502,807,329,775	(120,491,575,223)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
2. Tiền thu từ đi vay	33	33	-	-	200,000,000,000	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	34	(50,000,000,000)	-	(250,000,000,000)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	36	-	(3,896,713)	(1,068,276)	(8,624,915)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	40	(50,000,000,000)	(3,896,713)	(50,001,068,276)	(8,624,915)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	50	527,927,821,512	(27,737,542,521)	455,053,763,992	(82,522,519,698)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	60	186,591,165,490	144,456,704,308	258,225,643,573	199,243,849,337
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	61	999,479,872	29,732,174	2,239,059,309	27,564,322
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60-61)	70	70	715,518,466,874	116,748,893,961	715,518,466,874	116,748,893,961

Trần Phương Anh
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2025

Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Giám đốc Ban tài chính kế toán

Đoàn Kiên
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC43/KDBH, từ ngày 06 tháng 05 năm 2025, Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV (gọi tắt là “Công ty”). Vốn điều lệ của Công ty Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025 là 1000 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2025 là 3,141 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1,770 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm và kinh doanh dịch vụ tài chính

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 25, Tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội và chín mươi bảy (97) đơn vị trực thuộc, bao gồm 94 Chi nhánh và 3 Văn phòng đại diện.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính Quý 3 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 5 năm 2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 50/2017/TT-BTC (“Thông tư 50”) hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm. Thông tư 50 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

Ngày 02 tháng 11 năm 2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 67/2023/TT-BTC (“Thông tư 67”) hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Nghị định 46/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2023 của Chính phủ thi hành một số điều của Luật kinh doanh Bảo hiểm.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã áp dụng các quy định tại Thông tư 50 và Thông tư 67 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm và tài sản tài chính khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2009/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và các quy định kế toán hiện hành. Cụ thể như sau:

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left[\begin{array}{l} \text{Vốn góp thực} \\ \text{tế của các bên} \\ \text{tại tổ chức} \\ \text{kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ sở} \\ \text{hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \right] \times \frac{\text{Số vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Công ty đã tính các khoản dự phòng dựa trên thông tin tài chính gần nhất thu thập được của các đơn vị này và Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Tổng Công đã trích lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ

Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2025
	(Năm)
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính được thay thế bởi Thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023, Công văn số 2846/BTC-QLBH của Bộ Tài chính ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017 và Thông tư số 232/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012, theo đó:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ

Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo**Dự phòng phí chưa được hưởng:**- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống*

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Dự phòng phí gốc, nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính, được thay thế bởi quy định tại Điểm 1, Điều 35 Thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã thông báo, được Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Công ty và phần phải thu bồi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR) dự phòng bồi thường được tính theo công thức được hướng dẫn tại tiết b, điểm 1 điều 36 Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 1461/BTC-QLBH ngày 05 tháng 02 năm 2024, áp dụng từ năm tài chính 2024.

Dự phòng dao động lớn: Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng Bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 46/2023/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 07 năm 2023 và Thông tư số 67/2023/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 02 tháng 11 năm 2023, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng bảo hiểm nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe

- *Dự phòng toán học (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm):* Từ năm 2023 Công ty không khai thác các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 01 năm.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe người vay vốn chỉ bảo hiểm cho chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học theo phương pháp phí bảo hiểm thuần và cơ sở quy định tại gạch đầu dòng thứ hai, tiết a, điểm 3.1 khoản 3 điều 18 thông tư 50/2017/TT-BTC và điểm 1 Khoản 1 Thông tư 01/2019/TT-BTC của Bộ tài chính đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 1917/BTC-QLBH ngày 28 tháng 2 năm 2022.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe khác: áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 19 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018.

- *Dự phòng phí chưa được hưởng (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 01 năm trở xuống)*

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã thông báo, được Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR) dự phòng bồi thường được tính theo công thức được hướng dẫn tại tiết b, điểm 1 điều 36 Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 1461/BTC-QLBH ngày 05 tháng 02 năm 2024, áp dụng từ năm tài chính 2024.

Dự phòng đảm bảo cân đối: Mức trích dự phòng đảm bảo cân đối được áp dụng là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Ký quỹ bảo hiểm

Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 67/2023/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 02 tháng 11 năm 2023. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn) nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ

Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

bảo hiểm (áp dụng đối với kỳ thanh toán phí bảo hiểm đầu tiên hoặc thanh toán phí bảo hiểm một lần). Riêng khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên (đối với trường hợp đóng phí theo kỳ) hoặc phí bảo hiểm đối với trường hợp đóng phí bảo hiểm một lần được hạch toán khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm nếu có thỏa thuận thanh toán.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Công ty và được xác nhận bởi Công ty.

Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong kỳ.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống*

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm*

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính, được thay thế bởi quy định tại Tiết c, Điểm 2, Điều 35 Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính.

Đối với các hoạt động khác

Doanh thu từ các hoạt động khác của Công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, được ghi nhận khi phát sinh.

Ghi nhận chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Công ty và Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc” và “Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm và một số khoản chi phí dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình quản lý hợp đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với khoản phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng kỳ này để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm của hợp đồng bảo hiểm sức khỏe người vay vốn chỉ bảo hiểm cho chết và thương tật toàn bộ vĩnh viễn

Áp dụng phân bổ theo tỷ lệ dự phòng toán học trên doanh thu phí bảo hiểm gốc.

- Đối với các hợp đồng bảo hiểm khác có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính, được thay thế bởi quy định tại Tiết c, Điểm 2, Điều 35 Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Đường Đình Nghệ

Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	85,054,674	564,283,029
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	715,267,824,277	257,402,962,861
Tiền đang chuyển	165,587,923	258,397,683
Các khoản tương đương tiền (i)	-	-
	715,518,466,874	258,225,643,573

- (i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư tại các ngân hàng thương mại trong nước

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số đầu năm Giá gốc VND	Dự phòng VND
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2,222,000,000,000	-	2,545,402,807,169	(994,336,502)
a) Chứng khoán kinh doanh	-	-	6,402,807,169	(994,336,502)
- Tổng giá trị cổ phiếu	-	-	6,402,807,169	(994,336,502)
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2,222,000,000,000	-	2,539,000,000,000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	2,222,000,000,000	-	2,539,000,000,000	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	91,990,000,000	-	171,990,000,000	-
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	90,000,000,000	-	170,000,000,000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	90,000,000,000	-	170,000,000,000	-
- Trái phiếu	-	-	-	-
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1,990,000,000	-	1,990,000,000	-
- Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	1,990,000,000	-	1,990,000,000	-
b) Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	-
- Đầu tư mua cổ phiếu	-	-	-	-

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại đến 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại trong nước.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ

Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Phải thu phí bảo hiểm gốc	218,335,928,125	140,561,966,210
Trong đó:		
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	208,796,482,264	130,113,480,542
- Phải thu của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm:	9,539,445,861	10,448,485,668
b) Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	15,526,952,020	11,913,462,640
c) Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	154,357,902,699	343,786,364,931
d) Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	4,343,012,223	1,084,861,984
e) Phải thu khác	2,281,068,223	1,734,210,975
	394,844,863,290	499,080,866,740

8. PHẢI THU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu gốc và lãi trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (i)	38,359,899,321	38,359,899,321
Phải thu khác của khách hàng về hoạt động đầu tư cổ phiếu	-	2,238,933,300
Phải thu khác	42,683,701	-
	38,402,583,022	40,598,832,621

(i) Thẻ hiện gốc và lãi phải thu của khoản đầu tư trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long, trái phiếu có thời hạn 3 năm, bắt đầu từ ngày 19 tháng 10 năm 2009 và đáo hạn vào ngày 19 tháng 10 năm 2012. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho khoản này (Thuyết minh 10).

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	184,581,677,191	81,676,946,161
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	62,135,000	22,000,000
Tạm ứng	106,907,476,804	12,526,981,156
Phải thu ngắn hạn khác	77,612,065,387	69,127,965,005
b) Dài hạn	22,293,130,691	15,591,266,363
Ký quỹ bảo hiểm	7,000,000,000	7,000,000,000
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	15,293,130,691	8,591,266,363
	206,874,807,882	97,268,212,524

10. DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU QUÁ HẠN

	30/09/2025		31/12/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	45,866,923,412	43,272,481,147	44,237,469,669	41,654,913,771
Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long	38,359,899,321	38,359,899,321	38,359,899,321	38,359,899,321
Các đối tượng khác	7,507,024,091	4,912,581,826	5,877,570,348	3,295,014,450
Chi tiết các đối tượng khác theo thời gian quá hạn tại ngày 30 tháng 09 năm 2025.				
Nội dung	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm trở lên và không có khả năng thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phí bảo hiểm gốc	1,137,447,893	590,969,774	2,401,327,324	1,175,462,741
Phải thu tái bảo hiểm	764,193,203	0	824,701,376	309,361,687
Nợ khác				303,560,092
Cộng	1,901,641,097	590,969,774	3,226,028,700	1,788,384,520
				7,507,024,091

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, nợ xấu là các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 3**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC****a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Đầu năm đến hết Quý 3/2025	Năm 2024
	VND	VND
1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	87,328,824,876	66,244,877,664
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong kỳ/năm	84,539,256,582	85,127,002,219
- Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	(58,678,448,993)	(64,043,055,007)
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	113,189,632,465	87,328,824,876
2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	20,524,495,336	16,770,824,588
	133,714,127,801	104,099,649,464

b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
- Tiền thuê cơ sở hạ tầng trả trước	1,133,658,186	358,250,000
- Trả trước cho hoạt động kinh doanh nhiều kỳ	54,218,079,366	66,277,710,169
- Ấn phẩm, ấn chỉ dùng dần	1,676,983,890	1,342,478,801
- Công cụ lao động có giá trị lớn xuất dùng 1 lần	5,833,817,495	4,596,069,021
- Chi phí sửa chữa cải tạo văn phòng	8,122,532,680	6,137,072,857
- Các khoản trả trước khác	4,168,074,394	3,067,584,997
	75,153,146,011	81,779,165,845

12. TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	646,394,841,551	511,193,292,062
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	579,216,384,991	779,313,304,556
	1,252,921,057,017	1,290,506,596,618

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ

Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	5,821,411,775	7,273,421,100	13,094,832,875
Mua sắm mới	2,261,568,000	593,640,000	2,855,208,000
Tăng khác			-
Thanh lý, nhượng bán	(837,062,727)	(714,708,091)	(1,551,770,818)
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	7,245,917,048	7,152,353,009	14,398,270,057
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	4,784,048,191	6,042,274,706	10,826,322,897
Trích khấu hao	300,199,227	402,150,461	702,349,688
Tăng khác			-
Thanh lý, nhượng bán	(837,062,727)	(714,708,091)	(1,551,770,818)
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	4,247,184,691	5,729,717,076	9,976,901,767
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	1,037,363,584	1,231,146,394	2,268,509,978
Tại ngày cuối kỳ	2,998,732,357	1,422,635,933	4,421,368,290

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ	VND	VND
Số dư đầu kỳ	7,171,964,959	7,171,964,959
Tăng do mua sắm	-	-
Tăng khác	-	-
Giảm khác	-	-
Số dư cuối kỳ	7,171,964,959	7,171,964,959
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	4,829,967,251	4,829,967,251
Tăng do góp vốn	-	-
Trích khấu hao	934,783,027	934,783,027
Giảm khác	-	-
Số dư cuối kỳ	5,764,750,278	5,764,750,278
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	2,341,997,708	2,341,997,708
Tại ngày cuối kỳ	1,407,214,681	1,407,214,681

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu kỳ</u> <u>VND</u>
- Vay ngắn hạn	150,000,000,000	200,000,000,000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	0	0
	<u>150,000,000,000</u>	<u>200,000,000,000</u>

16. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu kỳ</u> <u>VND</u>
a) Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	426,835,490,371	571,842,746,134
b) Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	12,306,092,372	7,908,008,738
c) Phải trả bồi thường bảo hiểm	17,088,699,014	13,301,324,923
d) Phải trả hoa hồng bảo hiểm	30,364,832,777	22,131,794,720
e) Phải trả khác	163,853,945,532	31,477,591,379
	<u>650,449,060,066</u>	<u>646,661,465,894</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Các khoản phải nộp		
Thuế GTGT	31,723,403,818	16,676,332,498
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,983,901,115	3,081,102,097
Thuế thu nhập cá nhân	127,228,307	1,135,458,843
Thuế nhà thầu nước ngoài	23,212,179	6,633,425
Thuế, phí phải nộp khác	142,182,402	270,783,197
	34,999,927,821	21,170,310,060

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Các khoản phải trả phải nộp khác

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	92,703,862,451	149,033,442,672
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong kỳ/năm	75,407,613,638	86,477,926,076
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong kỳ/năm	(57,576,953,094)	(142,807,506,297)
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	110,534,522,995	92,703,862,451
2. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải trả bảo hiểm xã hội	869,631,252	289,088,487
Phải trả bảo hiểm y tế	118,207,328	53,597,444
Phải trả kinh phí công đoàn	2,467,997,474	1,314,422,943
Phải trả các cô đồng	3,517,970,269	3,519,085,419
Phải trả khác	31,754,412,108	15,246,401,815
	38,728,218,431	20,422,596,108

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ

Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Đơn vị: VND

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí, dự phòng toán học chưa được hưởng	Số cuối kỳ		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
1. Dự phòng bồi thường	904,691,075,050	579,216,384,991	325,474,690,059
Trong đó:			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	836,411,539,547	554,511,685,046	281,899,854,501
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	68,279,535,503	24,704,699,945	43,574,835,558
2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	1,794,057,353,988	646,394,841,551	1,147,662,512,437
Cộng	2,698,748,429,038	1,225,611,226,542	1,473,137,202,496

Trong đó chi tiết:

1. Dự phòng bồi thường	Năm 2025		
	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	1,121,291,354,972	779,313,304,556	341,978,050,416
Số trích lập trong kỳ	(216,600,279,922)	(200,096,919,565)	(16,503,360,357)
Số dư cuối kỳ	904,691,075,050	579,216,384,991	325,474,690,059

2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	Năm 2025		
	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	1,507,239,388,714	511,193,292,062	996,046,096,652
Số trích lập trong kỳ	286,817,965,274	135,201,549,489	151,616,415,785
Số dư cuối kỳ	1,794,057,353,988	646,394,841,551	1,147,662,512,437

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 3**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 3/2025	Năm 2024
Số dư đầu kỳ	114,132,279,543	118,655,912,884
Số trích lập thêm trong kỳ	16,635,716,244	19,476,366,659
Số sử dụng trong kỳ	-	(24,000,000,000)
Số dư cuối kỳ	130,767,995,787	114,132,279,543

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2024	1,000,000,000,000	15,339,966,939	81,592,242,263	1,096,932,209,202
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	11,532,622,044	11,532,622,044
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	576,631,102	(576,631,102)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(392,242,263)	(392,242,263)
Số dư tại ngày 31/12/2024	1,000,000,000,000	15,916,598,041	92,155,990,942	1,108,072,588,983
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2025	1,000,000,000,000	15,916,598,041	92,155,990,942	1,108,072,588,983
Lợi nhuận/(Lỗ) trong kỳ	-	-	12,734,656,763	12,734,656,763
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	636,732,838	(636,732,838)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/09/2025	1,000,000,000,000	16,553,330,879	104,253,914,867	1,120,807,245,746

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ

Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 3/2025	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 3/2024
	VND	VND
Phí bảo hiểm gốc	2,550,530,305,207	2,040,273,013,351
Bảo hiểm hàng không	19,870,019,456	63,130,275
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	425,626,169,144	354,785,028,547
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	91,699,860,427	64,914,421,984
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	85,379,175,319	75,155,639,475
Bảo hiểm xe cơ giới	1,617,592,482,319	1,297,604,598,447
Bảo hiểm cháy nổ	223,519,373,578	177,375,273,556
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	68,876,513,392	57,048,638,358
Bảo hiểm trách nhiệm chung	9,693,589,285	8,329,064,777
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	8,273,122,287	4,997,217,932
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(3,461,218,367)	(2,017,436,868)
Phí nhận tái bảo hiểm	50,772,047,093	40,115,217,299
Bảo hiểm hàng không	253,143,450	27,180,000
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	510,387,548	12,881,564,367
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	22,693,697,574	19,422,871,061
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	25,820,034	45,688,904
Bảo hiểm xe cơ giới	45,696,388	-
Bảo hiểm cháy nổ	23,403,600,059	7,285,549,935
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	3,505,602,244	223,663,811
Bảo hiểm trách nhiệm chung	98,988,933	30,271,700
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	235,110,863	198,427,521
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(95,702,155)	(59,077,205)
(Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(286,817,965,274)	(168,088,455,081)
	2,310,927,466,504	1,910,223,261,496

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 3**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 3/2025	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 3/2024
	VND	VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	934,166,155,574	687,638,593,341
Bảo hiểm hàng không	9,539,859,548	(56,163,344)
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	229,036,982,531	226,684,773,648
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	73,989,207,140	39,770,801,840
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	17,882,536,551	15,886,214,225
Bảo hiểm xe cơ giới	347,545,338,838	222,850,490,452
Bảo hiểm cháy nổ	194,175,998,937	138,941,924,816
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	51,655,749,234	36,788,154,903
Bảo hiểm trách nhiệm chung	2,772,944,405	2,335,164,015
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	7,567,538,390	4,437,232,786
(Tăng)/giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(135,201,549,489)	91,076,767,158
	798,964,606,085	778,715,360,499

23. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 3/2025	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 3/2024
	VND	VND
Tổng chi bồi thường	989,126,022,923	718,972,052,415
Bảo hiểm hàng không	-	70,281,730
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	84,966,064,329	93,902,338,622
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	176,479,681,557	12,382,751,166
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	19,215,971,810	1,966,343,544
Bảo hiểm xe cơ giới	600,874,036,211	566,356,962,975
Bảo hiểm cháy nổ	85,266,522,038	19,393,380,860
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	20,680,435,427	24,030,079,778
Bảo hiểm trách nhiệm chung	1,143,311,551	845,131,569
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	500,000,000	24,782,171
Thu giảm chi	(2,895,523,230)	
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(416,964,749,210)	(280,692,951,229)
Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(216,600,279,922)	466,010,930,565
(Tăng)/Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	200,096,919,565	(384,996,685,739)
	552,762,390,126	519,293,346,012

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ

Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 3/2025	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 3/2024
	VND	VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	138,333,110,234	96,541,055,267
Chi đòi người thứ ba	-	-
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	97,414,892	33,556,773
Chi đề phòng hạn chế tổn thất	232,092,466	443,993,079
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	5,565,597,373	4,355,918,920
Chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng	621,627,623,784	628,282,572,643
Chi phí lương, chi phí phục vụ khai thác bảo hiểm	354,250,438,712	227,425,568,915
Chi khác	4,199,840,487	5,299,437,038
	1,124,306,117,948	962,382,102,635

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 3/2025	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 3/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	123,387,624,068	108,338,395,597
Lãi kinh doanh chứng khoán	1,042,410,529	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	1,747,514,407	294,774,393
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1,016,014,787	-
	127,193,563,791	108,633,169,990

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 3/2025	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 3/2024
	VND	VND
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(994,336,502)	(756,008,536)
Chi phí kinh doanh chứng khoán	18,700,628	2,321,686
Lãi vay	6,774,836,505	
Lỗ chênh lệch tỷ giá	906,494,734	845,875,443
Chi phí hoạt động tài chính khác	13,445,078,009	1,073,896,995
	20,150,773,374	1,166,085,588

49 -

ÔNG

HÀN T

ẢO H

DB

ÔA F

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ

Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 3/2025	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 3/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý, chi có tính chất phúc lợi	217,115,112,382	149,188,730,880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71,317,985,785	49,607,050,972
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1,558,090,042	1,019,702,634
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,638,632,715	2,021,275,334
Chi phí dụng cụ văn phòng	5,320,141,489	3,672,028,223
Chi phí vật liệu quản lý	3,461,210,284	2,976,997,022
Thuế, phí và lệ phí	3,264,168,098	1,192,399,264
Chi phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông	239,014,010	1,414,530,651
Chi phí quản lý khác	2,401,468,805	1,223,835,884
	306,315,823,610	212,316,550,864

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 3/2025	Từ đầu năm đến hết Quý 3/2024
	VND	VND
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	15,859,695,721	(20,606,408,877)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2,239,059,309)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2,004,558,376	2,507,239,150
Thu nhập chịu thuế	15,625,194,788	(18,099,169,727)
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,125,038,958	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

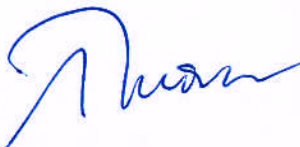
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt vào ngày 20 tháng 10 năm 2025



Trần Phương Anh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Giám đốc Ban tài chính kế
toán



Đoàn Kiên
Phó Chủ tịch Hội đồng
Quản trị

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2025